

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Prevathon™ 50 SC insecticide

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: -
1.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2023/05/05
	2023/05/05	50000092	

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : Prevathon™ 50 SC insecticide

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng : Thuốc diệt côn trùng

Hạn chế khi sử dụng : Sử dụng theo khuyến cáo của nhãn.

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : FMC Vietnam Company Limited

Địa chỉ : No.12, Lot B, Thong Nhat Road
Song Than 2 Industrial Zone
Di An Ward, Di An Town
Binh Duong Province
Vietnam

Điện thoại : +842743790503

Telefax : +842743790501

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp : Đối với trường hợp rò rỉ, hỏa hoạn, tràn hoặc tai nạn, hãy gọi: + (84) -444581938 (CHEMTREC Việt Nam)

Cấp cứu y tế:
All other countries: +1 651 / 632-6793 (Collect)

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phân loại theo GHS

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 1

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 1

Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo : Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm : H410 Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Prevathon™ 50 SC insecticide

Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/05/05 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 50000092 Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2023/05/05

Các lưu ý phòng ngừa : **Biện pháp phòng ngừa:**
P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
Biện pháp ứng phó:
P391 Thu hồi chất tràn đổ.
Việc thải bỏ:
P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Được biết là chưa xảy ra.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
Chlorantraniliprole	500008-45-7	5

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung : Di chuyển ra khỏi khu vực nguy hiểm.
Đưa phiếu dữ liệu an toàn hoá chất này cho bác sỹ chăm sóc.
Không được để nạn nhân một mình.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Chuyển đến nơi thoáng khí.
Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Nếu ở quần áo, cởi bỏ quần áo.
Nếu ở trên da, rửa sạch bằng nước.
Rửa sạch bằng xà bông và thật nhiều nước.
Ngay lập tức tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu vùng kích ứng lan rộng và dai dẳng

Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Rửa mắt bằng nước để phòng ngừa.
Gỡ bỏ kính áp tròng.
Bảo vệ con mắt không bị tổn thương.
Mở rộng mắt khi rửa.
Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.

Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Giữ sạch đường hô hấp.
Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn.
Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
Không được gây nôn mà không có chỉ dẫn của bác sĩ.

Prevathon™ 50 SC insecticide

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/05/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 50000092	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2023/05/05
------------------	--	---	--

- Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này : Được biết là chưa xảy ra.
- Bảo vệ người sơ cứu : Nhân viên cấp cứu nên cẩn trọng tự bảo vệ và bận trang phục bảo hộ
- Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Điều trị theo triệu chứng.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Bột khô
Carbon đioxit (CO₂)
Hóa chất khô
Bột
- Các phương tiện chữa cháy không thích hợp : Tia nước dung tích lớn
- Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy : Không để nước chữa cháy chảy xuống cống và ao hồ.
- Các chất độc được sinh ra khi bị cháy : Lửa có thể tạo ra khí khó chịu, ăn mòn và / hoặc độc hại.
Carbon ôxit
Nitơ ôxit (NO_x)
Các hợp chất brom
Hợp chất clo
hydro xyanua
A-xít clohidric
- Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Di chuyển các thùng chứa chưa bị hư hại ra khỏi khu vực đám cháy nếu việc này không gây nguy hiểm.
Sử dụng bụi nước để làm mát các bình chứa kín hoàn toàn.
Quy trình chuẩn dùng trong cháy nổ hóa chất
Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
- Thu gom riêng nước chữa cháy bị ô nhiễm. Nước này không được đổ vào cống thoát nước chung.
Tro của vụ cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn phải được thải phù hợp với các quy định địa phương.
- Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Lính cứu hỏa nên mặc quần áo bảo hộ và thiết bị thở khép kín.
- Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.
Nếu nó có thể được thực hiện một cách an toàn, hãy dừng rò

Prevathon™ 50 SC insecticide

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: -
1.0	bổ sung gần nhất:	DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2023/05/05
	2023/05/05	50000092	

rỉ.
Không chạm vào hoặc đi qua vật liệu bị đổ.
Giữ mọi người tránh xa khỏi khu vực hoá chất bị tràn đổ/rò rỉ và tránh hướng gió thổi.
Di chuyển tất cả các nguồn gây cháy.
Ngay lập tức di tản mọi người tới các khu vực an toàn.
Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ.
Không bao giờ được đưa những chất bị tràn đổ trở lại những bình chứa cũ để tái sử dụng.
Đánh dấu khu vực bị ô nhiễm bằng các biển báo và không cho người không có nhiệm vụ vào khu vực này.
Chỉ người được trang bị các thiết bị bảo hộ thích hợp mới có thể tham gia.

Các cảnh báo về môi trường : Ngăn ngừa không cho sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.
Ngăn ngừa không rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc làm này an toàn.
Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc đường dẫn nước, hãy thông báo cho các cơ quan hữu quan.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Hút khô bằng các vật liệu hút nước trơ (ví dụ như cát, silicagen, chất liên kết axit, chất liên kết phổ thông, mùn cưa).
Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ : Các biện pháp thông thường nhằm ngăn ngừa hỏa hoạn.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Tránh tạo ra aerosol.
Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.
Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng.
Cung cấp đủ sự trao đổi không khí và/hoặc ống xả khí trong các phòng làm việc.
Thải loại nước rửa theo các quy định của quốc gia và địa phương.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt.
Các bình chứa đã mở phải được đóng gắp lại cẩn thận và giữ theo chiều thẳng đứng để tránh rò rỉ.
Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.

Các thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ : Sản phẩm ổn định trong điều kiện bảo quản kho bình thường.
Lưu trữ trong các thùng chứa kín, có dán nhãn. Phòng lưu trữ phải được xây dựng bằng vật liệu không cháy, kín, khô ráo, thông gió và có sàn không thấm nước, không có sự tiếp cận của người không được phép hoặc trẻ em. Phòng chỉ nên được sử dụng để lưu trữ hóa chất. Thực phẩm, đồ uống, không nên có thức ăn và hạt giống. Nên có trạm rửa tay.

Thêm thông tin về độ ổn định : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
kho lưu trữ

Prevathon™ 50 SC insecticide

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: -
1.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2023/05/05
	2023/05/05	50000092	

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN**Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc**

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

- | | | |
|------------------------|---|---|
| Bảo vệ hô hấp | : | Trong trường hợp phơi nhiễm với dạng sương, bụi nước hoặc aerosol, mặc bộ đồ bảo hộ và các thiết bị hô hấp cá nhân thích hợp |
| Bảo vệ tay
Vật liệu | : | Mang găng tay chống hóa chất, chẳng hạn như tấm chắn, cao su butyl hoặc cao su nitrile. |
| Ghi chú | : | Cần thảo luận với nhà sản xuất găng tay bảo hộ về mức độ thích hợp với từng nơi làm việc cụ thể. |
| Bảo vệ mắt | : | Chai rửa mắt đựng nước tinh khiết
Kính bảo hộ vừa khít |
| Bảo vệ da và cơ thể | : | Bộ quần áo bảo hộ
Quần áo không thấm.
Chọn đồ bảo hộ theo số lượng và nồng độ các chất nguy hiểm tại nơi làm việc. |
| Các biện pháp bảo vệ | : | Lên kế hoạch các hoạt động sơ cứu trước khi bắt đầu làm việc với sản phẩm này.
Luôn luôn có sẵn bộ sơ cứu cùng với các hướng dẫn sử dụng thích hợp.
Mặc thiết bị bảo hộ thích hợp.
Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng.
Trong bối cảnh sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chuyên nghiệp theo khuyến cáo, người dùng cuối phải tham khảo nhãn và hướng dẫn sử dụng |
| Các biện pháp vệ sinh | : | Biện pháp vệ sinh công nghiệp chung.
Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo.
Không được hít thở aerosol
Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc. |

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

- | | | |
|---------------|---|---------------------|
| Trạng thái | : | Chất lỏng bán sệt |
| Màu sắc | : | màu trắng |
| Mùi đặc trưng | : | nhẹ, giống mùi rượu |

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Prevathon™ 50 SC insecticide

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/05/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 50000092	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2023/05/05
------------------	--	---	--

Ngưỡng mùi	:	chưa có dữ liệu
Độ pH	:	5 - 9 Nồng độ: 1 % (dưới dạng phân tán nước)
Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc	:	chưa được xác định
Điểm sôi/khoảng sôi	:	chưa được xác định
Điểm cháy	:	> 100 °C Phương pháp: cốc kín Không chớp cháy khi đạt đến điểm sôi.
Tỷ lệ hóa hơi	:	Hiện không có cho hỗn hợp này.
Tính dễ cháy (chất lỏng)	:	Không duy trì sự cháy
Tự bốc cháy	:	không tự bốc cháy
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	:	Hiện không có cho hỗn hợp này.
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	:	Hiện không có cho hỗn hợp này.
Áp suất hóa hơi	:	Hiện không có cho hỗn hợp này.
Tỷ trọng hơi tương đối	:	Hiện không có cho hỗn hợp này.
Tỷ trọng tương đối	:	1,02 - 1,04
Mật độ	:	chưa có dữ liệu
Độ hòa tan Độ hòa tan trong nước	:	có thể phân tán
Hệ số phân tán: n- octanol/nước	:	Hiện không có cho hỗn hợp này.
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	:	Hiện không có cho hỗn hợp này.
Độ nhớt Độ nhớt, động học	:	chưa được xác định
Đặc tính cháy nổ	:	Không gây nổ
Đặc tính ôxy hóa	:	Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa.

Prevathon™ 50 SC insecticide

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/05/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 50000092	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2023/05/05
------------------	--	---	--

Kích thước hạt : Không áp dụng được

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Tính ổn định	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Phản ứng nguy hiểm	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Các điều kiện cần tránh	: Không để bay hơi đến khi khô Bảo vệ khỏi sương giá, nhiệt và ánh sáng.
Vật liệu không tương thích	: Tránh axit, bazơ và chất oxy hóa mạnh.
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	: Ổn định trong các điều kiện lưu trữ được đề nghị.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH**Độc cấp tính**

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Sản phẩm:

Độc tính cấp theo đường miệng	: LD50 (Chuột): > 5.000 mg/kg Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 425 Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính theo đường miệng
Độc tính cấp do hít phải	: LC50 (Chuột): > 2,1 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 4 h Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 403 Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính theo đường hô hấp Ghi chú: (Số liệu về chính sản phẩm)
Độc tính cấp qua da	: LD50 (Chuột): > 5.000 mg/kg Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 402 Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính qua da

Thành phần:**Chlorantraniliprole:**

Độc tính cấp theo đường miệng	: LD50 (Chuột): > 5.000 mg/kg Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 425 GLP: có Ghi chú: nguồn thông tin: Báo cáo nghiên cứu nội bộ
-------------------------------	---

Prevathon™ 50 SC insecticide

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: -
1.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2023/05/05
	2023/05/05	50000092	

Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột, Đực và cái): > 5,1 mg/l
 Thời gian phơi nhiễm: 4 h
 Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
 Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 403
 GLP: có
 Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính theo đường hô hấp
 Ghi chú: nguồn thông tin: Báo cáo nghiên cứu nội bộ

Độc tính cấp qua da : LD50 (Chuột, Đực và cái): > 5.000 mg/kg
 Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 402
 GLP: có
 Ghi chú: nguồn thông tin: Báo cáo nghiên cứu nội bộ

Ăn mòn/kích ứng da

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Sản phẩm:

Loài : Thỏ
 Đánh giá : Không bị xếp vào chất gây kích ứng
 Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404
 Kết quả : Không gây kích ứng da

Thành phần:

Chlorantraniliprole:

Loài : Thỏ
 Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404
 Kết quả : Không gây kích ứng da
 GLP : có
 Ghi chú : nguồn thông tin: Báo cáo nghiên cứu nội bộ

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Sản phẩm:

Loài : Thỏ
 Kết quả : Không gây kích ứng mắt
 Đánh giá : Không bị xếp vào chất gây kích ứng
 Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 405

Thành phần:

Chlorantraniliprole:

Loài : Thỏ
 Kết quả : Không gây kích ứng mắt
 Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 405
 GLP : có
 Ghi chú : nguồn thông tin: Báo cáo nghiên cứu nội bộ

Prevathon™ 50 SC insecticide

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: -
1.0	bổ sung gần nhất:	DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2023/05/05
	2023/05/05	50000092	

Kích thích hô hấp hoặc da

Nhạy cảm với da

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Nhạy cảm với hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Sản phẩm:

Loại kiểm nghiệm	: Thử nghiệm Buehler
Loài	: Chuột lang
Đánh giá	: Không gây mẫn cảm đối với động vật thí nghiệm.
Phương pháp	: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 406
Kết quả	: Không phải là chất gây mẫn cảm da

Thành phần:

Chlorantraniliprole:

Loại kiểm nghiệm	: Thử nghiệm cực đại
Loài	: Chuột lang
Phương pháp	: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 406
Kết quả	: Không gây kích ứng da.
GLP	: có
Ghi chú	: nguồn thông tin: Báo cáo nghiên cứu nội bộ

Loại kiểm nghiệm	: Thử nghiệm hạch bạch huyết cục bộ (LLNA)
Loài	: Chuột nhắt
Phương pháp	: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 429
Kết quả	: Không gây kích ứng da.

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

Chlorantraniliprole:

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm	: Loại kiểm nghiệm: thí nghiệm đột biến ngược Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hóa trao đổi chất Kết quả: Âm tính
--	--

Loại kiểm nghiệm: Thí nghiệm biến đổi gen tế bào trên động vật có vú tại phòng thí nghiệm
Hệ thống thử nghiệm: các tế bào trứng của chuột đồng Trung quốc
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 476
Kết quả: Âm tính

Độc tính gây đột biến gen trong cơ thể	: Loại kiểm nghiệm: Kiểm tra vi hạt nhân Loài: Chuột nhắt Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 474 Kết quả: Âm tính
--	--

Đột biến tế bào mầm (tế bào	: Trọng số bằng chứng không đủ khẳng định xếp loại là biến
-----------------------------	--

Prevathon™ 50 SC insecticide



Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/05/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 50000092	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2023/05/05
------------------	--	---	--

gen) - Đánh giá đổi tế bào mầm.

Tác nhân gây ung thư

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

Chlorantraniliprole:

Loài	:	Chuột, Đực và cái
Lộ trình ứng dụng	:	Đường miệng
Thời gian phơi nhiễm	:	2 Năm
NOAEL	:	805 - 1.076 mg/kg bw/ngày
Phương pháp	:	Hướng dẫn xét nghiệm OECD 453
Kết quả	:	Âm tính

Loài	:	Chuột nhắt, Đực và cái
Lộ trình ứng dụng	:	Đường miệng
Thời gian phơi nhiễm	:	18 tháng
NOAEL	:	158 - 1.155 mg/kg bw/ngày
Phương pháp	:	Hướng dẫn xét nghiệm OECD 453
Kết quả	:	Âm tính

Tác nhân gây ung thư - Đánh giá : Thử nghiệm trên động vật không cho thấy ảnh hưởng gây ung thư nào.

Độc tính sinh sản

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

Chlorantraniliprole:

Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản : Loại kiểm nghiệm: Nghiên cứu hai thế hệ
 Loài: Chuột, Đực và cái
 Lộ trình ứng dụng: Đường miệng
 Tính độc hại chung đối với cha mẹ: NOAEL: 20.000 ppm
 Tính độc hại chung F1: NOAEL: 20.000 ppm
 Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 416
 Kết quả: Âm tính

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loại kiểm nghiệm: Trước khi sinh
 Loài: Chuột
 Lộ trình ứng dụng: Đường miệng
 Thời gian cần thiết cho mỗi ca điều trị: 6 - 20 d
 Tính độc hại đối với người mẹ: NOEL: 1.000 mg/kg bw/ngày
 Độc tính đối với sự phát triển: NOEL: 1.000 mg/kg bw/ngày
 Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 414
 Kết quả: Âm tính

Độc tính sinh sản - Đánh giá : Các bằng chứng thu được không ủng hộ phép phân loại chất này có độc tính sinh sản

STOT - Tiếp xúc một lần

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Prevathon™ 50 SC insecticide

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: -
1.0	bổ sung gần nhất:	DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2023/05/05
	2023/05/05	50000092	

Thành phần:

Chlorantraniliprole:

Đánh giá : Chất hoặc hỗn hợp được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm đơn lẻ.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

Chlorantraniliprole:

Đánh giá : Chất hoặc chất độc không được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm nhiều lần.

Lượng độc lặp lại

Thành phần:

Chlorantraniliprole:

Loài	:	Chuột, Đực và cái
NOEL	:	1188 - 1526 mg/kg
Lộ trình ứng dụng	:	Đường miệng
Thời gian phơi nhiễm	:	90 d
Phương pháp	:	Hướng dẫn xét nghiệm OECD 408

Độc tính hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

Chlorantraniliprole:

Chất này không có các đặc tính liên quan đến tiềm ẩn nguy cơ hô hấp.

Thông tin khác

Sản phẩm:

Ghi chú : chưa có dữ liệu

Thành phần:

Chlorantraniliprole:

Ghi chú : chưa có dữ liệu

Prevathon™ 50 SC insecticide

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: -
1.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2023/05/05
	2023/05/05	50000092	

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

Sản phẩm:

Đánh giá độc tố sinh thái học

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Rất độc đối với sinh vật thủy sinh.

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh : Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Thành phần:

Chlorantraniliprole:

Độc đối với cá : LC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): 13,8 mg/l
 Thời gian phơi nhiễm: 96 h
 Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh
 Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203
 Ghi chú: nguồn thông tin: Báo cáo nghiên cứu nội bộ

LC50 (Lepomis macrochirus (Cá thái dương bluegill)): > 15,1 mg/l
 Thời gian phơi nhiễm: 96 h
 Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh
 Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203
 GLP: có
 Ghi chú: nguồn thông tin: Báo cáo nghiên cứu nội bộ

LC50 (Cyprinodon sp. (cá tuế)): > 12 mg/l
 Thời gian phơi nhiễm: 96 h
 Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : LC50 (Hyalomma azteca (Giáp Xác Chân Hai Loại)): 0,26 mg/l
 Thời gian phơi nhiễm: 48 h
 Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh
 Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202
 GLP: có

LC50 (Ceriodaphnia dubia (bọ chét nước)): 0,0067 - 0,011 mg/l
 Thời gian phơi nhiễm: 48 h

Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước : ErC50 (Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục)): > 2 mg/l
 Thời gian phơi nhiễm: 120 h

NOEC (Lemna gibba (bèo tấm)): 2 mg/l
 Thời gian phơi nhiễm: 14 d

ErC50 (Selenastrum capricornutum (tảo lục)): > 2 mg/l
 Thời gian phơi nhiễm: 72 h

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Prevathon™ 50 SC insecticide

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2023/05/05
1.0	2023/05/05	50000092	

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính : 10
đối với môi trường thủy sinh)

Độc đối với cá (Tính độc mãn tính) : NOEC (Cyprinodon variegatus (cá tuế đầu cừu)): 1,28 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 36 d

NOEC (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): 0,110 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 28 d
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 210
GLP: có

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính) : NOEC (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,00447 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 21 d
Phương pháp: Hướng dẫn thử nghiệm US EPA OPPTS 850.1300
GLP: có

Nhân tố M (Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh) : 10

Độc tính đối với các sinh vật sống trong đất : LC50 (Eisenia fetida (Sâu đất)): > 1.000 mg/kg
Thời gian phơi nhiễm: 14 d
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 207
GLP: có

Độc tính đối với các sinh vật trên cạn : LD50 (Apis mellifera (Ong)): > 4.0 µg/bee
Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Điểm kết thúc: Độc cấp tính tiếp xúc
Ghi chú: Hoạt chất hòa tan trong acetone

LD50 (Apis mellifera (Ong)): > 0.005 µg/bee
Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Điểm kết thúc: Độc cấp tính tiếp xúc
Ghi chú: Hoạt chất hòa tan trong nước

LD50 (Apis mellifera (Ong)): > 104.1 µg/bee
Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Điểm kết thúc: Độc tính cấp theo đường miệng
Ghi chú: Hoạt chất hòa tan trong acetone

LD50 (Apis mellifera (Ong)): > 0.0274 µg/bee
Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Điểm kết thúc: Độc tính cấp theo đường miệng
Ghi chú: Hoạt chất hòa tan trong nước

LD50 (Poephila guttata (chim sẻ vằn)): > 2.250 mg/kg

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Sản phẩm:

Tính phân hủy sinh học : Kết quả: Không dễ phân hủy sinh học.
Ghi chú: Ước lượng dựa trên các số liệu thu thập được về hoạt chất.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Prevathon™ 50 SC insecticide

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: -
1.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2023/05/05
	2023/05/05	50000092	

Thành phần:

Chlorantraniliprole:

Tính phân hủy sinh học : Kết quả: Không dễ phân hủy sinh học.

Ổn định trong nước : Chu kỳ bán rã của việc phân hủy (DT50 (Chu kỳ bán rã)): 10 d (25 °C) Độ pH: 9

Chu kỳ bán rã của việc phân hủy (DT50 (Chu kỳ bán rã)): 0,3 d (50 °C) Độ pH: 9

Khả năng tích lũy sinh học

Sản phẩm:

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: Không có thông tin sẵn có cho sản phẩm.

Thành phần:

Chlorantraniliprole:

Tính tích lũy sinh học : Loài: *Lepomis macrochirus* (Cá thái dương bluegill)
Yếu tố nồng độ sinh học (BCF): 14
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 305
GLP: có
Ghi chú: Không tích tụ sinh học

Hệ số phân tán: n-octanol/nước : log Pow: 2,77 (20 °C)
Độ pH: 4

log Pow: 2,86 (20 °C)
Độ pH: 7

log Pow: 2,80 (20 °C)
Độ pH: 9

Độ linh động trong đất

Sản phẩm:

Phân bố trong các môi trường khác nhau : Ghi chú: Không có thông tin sẵn có cho sản phẩm.

Thành phần:

Chlorantraniliprole:

Phân bố trong các môi trường khác nhau : Koc: 362 ml/g, log Koc: 2,55
Ghi chú: Biến đổi trong đất

Ổn định trong đất : Ghi chú: Rất bền trong đất.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Prevathon™ 50 SC insecticide

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: -
1.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2023/05/05
	2023/05/05	50000092	

Các tác hại khác

Sản phẩm:

Các thông tin sinh thái khác : Xem nhãn của sản phẩm để đọc các hướng dẫn áp dụng bổ sung có liên quan đến các biện pháp an toàn môi trường.

Việc quản lý hoặc tiêu huỷ không chuyên nghiệp có thể gây ra các hậu quả về môi trường
Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Thành phần:

Chlorantraniliprole:

Các thông tin sinh thái khác : Xem nhãn của sản phẩm để đọc các hướng dẫn áp dụng bổ sung có liên quan đến các biện pháp an toàn môi trường.

Việc quản lý hoặc tiêu huỷ không chuyên nghiệp có thể gây ra các hậu quả về môi trường
Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Không được đổ sản phẩm vào cống, rãnh, mương, máng, nơi nước chảy hoặc vớt xuống đất.
Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng
Gửi đến cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép

Bao bì nhiễm độc : Loại bỏ các thành phần còn lại.
Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.
Bao bì không được mở gói đúng cách phải được xử lý là sản phẩm chưa sử dụng
Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

UNRTDG

Số hiệu UN : UN 3082
Tên vận chuyển thích hợp : ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S.
(Chlorantraniliprole)

Hạng : 9
Nhóm hàng : III
Nhãn : 9

IATA-DGR

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Prevathon™ 50 SC insecticide

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/05/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 50000092	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2023/05/05
------------------	--	---	--

Số UN/ID	: UN 3082
Tên vận chuyển thích hợp	: Environmentally hazardous substance, liquid, n.o.s. (Chlorantraniliprole)
Hạng	: 9
Nhóm hàng	: III
Nhãn	: Miscellaneous
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay)	: 964
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay)	: 964
Nguy hại với môi trường	: có

Mã IMDG

Số hiệu UN	: UN 3082
Tên vận chuyển thích hợp	: ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (Chlorantraniliprole)
Hạng	: 9
Nhóm hàng	: III
Nhãn	: 9
Mã EmS	: F-A, S-F
Chất ô nhiễm đại dương	: có

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Phân loại vận chuyển được nêu ở đây chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và chỉ phụ thuộc vào thành phần của nguyên liệu chưa đóng gói như được mô tả trong Phiếu An Toàn Hóa Chất. Phân loại vận chuyển có thể thay đổi tùy theo phương tiện vận chuyển, kích thước bao bì và nhiều yếu tố khác theo quy định của vùng hoặc quốc gia.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

TCSI	: Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê
TSCA	: Sản phẩm chứa (các) chất chưa được liệt kê trong bản kiểm kê TSCA.
AIIC	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
DSL	: Sản phẩm này có chứa các thành phần sau không được liệt kê trong các danh sách DSL và NDSL do Canada ban hành. 3-BROMO-4'-CHLORO-1-(3-CHLORO-2-PYRIDYL)-2'-METHYL-6'-(METHYLCARBAMOYL)-1H-PYRAZOLE-5-CARBOXANILIDE ACTI-GEL 208 (ACTIVE MINERALS)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Prevathon™ 50 SC insecticide

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2023/05/05
1.0	2023/05/05	50000092	

ENCS	:	Không tuân thủ với bản kiểm kê
ISHL	:	Không tuân thủ với bản kiểm kê
KECI	:	Không tuân thủ với bản kiểm kê
PICCS	:	Không tuân thủ với bản kiểm kê
IECSC	:	Không tuân thủ với bản kiểm kê
NZIoC	:	Không tuân thủ với bản kiểm kê
TECI	:	Không tuân thủ với bản kiểm kê

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất : 2023/05/05

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hải hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mỗi quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Prevathon™ 50 SC insecticide

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành cuối cùng: -
1.0	2023/05/05	50000092	Ngày ban hành đầu tiên: 2023/05/05

ngộ của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Sự từ chối trách nhiệm

FMC Tập đoàn tin rằng thông tin và khuyến nghị trong tài liệu này (bao gồm cả dữ liệu và báo cáo) là chính xác kể từ ngày của tài liệu này. Bạn có thể liên hệ với FMC Tập đoàn để đảm bảo rằng tài liệu này là mới nhất có sẵn từ FMC Tập đoàn. Không bảo hành thể dục cho bất kỳ mục đích cụ thể, bảo hành thương mại hoặc bất kỳ bảo hành nào khác, thể hiện hoặc ngụ ý, được thực hiện liên quan đến thông tin được cung cấp ở đây. Thông tin được cung cấp ở đây chỉ liên quan đến sản phẩm được chỉ định và có thể không áp dụng được khi sản phẩm đó được sử dụng kết hợp với bất kỳ vật liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào. Người dùng có trách nhiệm xác định xem sản phẩm có phù hợp với mục đích cụ thể hay không và phù hợp với điều kiện và phương thức sử dụng của người dùng. Do các điều kiện và phương thức sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của FMC Tập đoàn, FMC Tập đoàn từ chối mọi trách nhiệm và mọi trách nhiệm đối với mọi kết quả thu được hoặc phát sinh từ bất kỳ việc sử dụng sản phẩm nào hoặc phụ thuộc vào thông tin đó.

VN / VI